

Số: 2073 /QĐ-TCQLTT

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giao dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2022 (lần 3)

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 15 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2000/QĐ-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phân cấp quản lý tài chính, tài sản công tại Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 3062/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BCT ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3109/QĐ-TCQLTT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 855/QĐ-TCQLTT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc điều chỉnh giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2022 (lần 1);

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TCQLTT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc điều chỉnh giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2022 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đợt 1 năm 2022 của Bộ Công Thương và Thông báo số 122/TB-BCT ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Công Thương về kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 năm 2022 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Tờ trình số 212/TTr-THKHTC ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính về việc đề nghị điều chỉnh giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2022 (lần 3);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 (lần 3) cho các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 được giao và Quyết định điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ trưởng Đặng Hoàng An;
- Vụ TC&ĐMDN;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Công thông tin điện tử Tổng cục;
- Lưu: VT, THKHTC.




Trần Hữu Linh

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH SỐ GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 (LẦN 3)

(Kèm theo Quyết định số 2073/QĐ-TCQLTT ngày 04 tháng 11 năm 2022
của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường)

Đơn vị : Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An

Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch: Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An

Mã số kho bạc nhà nước: 1411

Mã số đơn vị QHNS: 1068752

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Số dự toán đã giao	Điều chỉnh số giao dự toán		Số giao dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
	Học phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại				
	Học phí, lệ phí				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước. Trong đó:	20.887	106	106	20.887
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	17.784	0	0	17.784
2	Kinh phí thực hiện không tự chủ	3.103	106	106	3.103
3	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0			
	Chi tiết theo loại chi				
1	Chi Quản lý nhà nước: Loại 340-341	20.887	106	106	20.887
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	17.784			17.784
1.2	Kinh phí thực hiện không tự chủ, trong đó:	3.103	106	106	3.103
	Lương Lao động Hợp đồng	1.067	9		1.076
	Mua sắm tài sản cố định	0			0
	Kinh phí Thuê trụ sở làm việc, kho hàng	180	97		277
	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất	0			0
	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính (bao gồm chi mua sắm, thuê trang thiết bị phục vụ cho công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính)	1.856		106	1.750
	Kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả				
	Ban chỉ đạo 389 ngành				
	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế	0			0